

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự toán: May đo quân trang SQ, QNCN, CNQP, Quần áo công tác năm 2025
- Tên gói thầu: May đo quân trang SQ, QNCN, CNQP, Quần áo công tác năm 2025
- Chủ đầu tư: Nhà máy A31/Quân chủng PK-KQ.
- Địa điểm thực hiện nhiệm vụ: Nhà máy A31 - Xã Trần Phú- TP. Hà Nội.
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước
- Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, Một túi hồ sơ.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Tháng 10/2025
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Phạm vi công việc của gói thầu: Cung cấp Quân trang sỹ quan, QNCN, CNQP, Quần áo công tác năm 2025

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
1	Quân phục SQ nữ mùa hè K08 PKKQ	TCVN/QS 1493:2023	*Màu sắc: Phòng không-Không quân: Áo màu xanh hòa bình, quần màu xanh đậm.
2	Quân phục SQ nam mùa hè K08 PKKQ	Theo TCVN/QS 1491:2023	*Màu sắc: Phòng không-Không quân: Áo màu xanh hòa bình, quần màu xanh đậm.
3	Quân phục SQ nam mùa đông K08 PKKQ	TCVN/QS 1666:2023	*Màu sắc: Màu xanh đậm PK-KQ *Hình dáng - Áo: Kiểu áo khoác ngoài dài tay 2 lớp, cổ bẻ, ve chữ V, mỗi bên đầu cổ thùa 2 khuyết đeo nền phù hiệu. Thân trước có 4 túi ốp ở giữa thân túi có xúp, đáy túi vát góc, nắp túi có sồi nhọn cái cúc, gáy nắp túi ngực trái có mở cài bút, phía trên nắp túi ngực phải thùa 2 khuyết đeo biển tên, phía trên nắp túi ngực trái thùa 2 khuyết đeo biểu tượng ngực áo. Nẹp áo cài 4 cúc. Vai có dây đeo cấp hiệu. Thân sau có sống giữa, sè dưới. Tay áo có 2 mang tay, có bác tay lật ra ngoài. Áo có lót

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
			<p>thân, hai bên thân trước có túi lót nằm ở giữa con then, phía trong chân cổ có dây treo áo</p> <p>- Quần: Kiểu quần âu dài, 2 túi chéo; thân trước mỗi bên xếp 1 ly lật về phía sườn. Cạp quần có 6 dây để luồn dây lưng, đầu cạp ngoài gắn móc cài, đầu cạp trong thừa khuyết cài cúc, cửa quần mở suốt bằng khóa fec-mơ-tuya, lót cạp quần có băng dệt, mỗi bên thân sau chiết 1 ly và có 1 túi hậu. Gấu quần thân trước có đắp hình bán nguyệt</p>
4	Quần phục SQ nữ mùa đông K08 PKKQ	TCVN/QS 1668:2013	<p>* Màu sắc: Màu xanh đậm</p> <p>*Hình dáng</p> <p>- Áo: Hình dáng bên ngoài kiểu áo khoác ngoài ve chữ V. 2 túi ộp nổi ở túi thân trước, giữa túi có đường súp chìm, đáy túi vát góc, nắp túi có sò nhọn cài cúc, đường kính 22mm, nẹp áo cài 4 cúc, đường kính 22mm. Cúc áo bằng đồng mạ màu vàng khâu liền thân áo. Thân sau có sòng sau xẻ dưới. Vai áo có đĩa vai đeo cấp hiệu. Tay dài 2 mang có béc tay lật ra ngoài</p> <p>- Quần: Kiểu quần âu dài có 2 túi dọc quần, cửa quần mở suốt, kéo khóa fec-mơ-tuya. Thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn, thân sau chiết 1 ly. Gấu quần thân trước chéch lên 1,5cm, phân sau chéch xuống 1cm so với ly</p>
5	Lễ phục SQ nam K24 không lót PKKQ	TCQS 602:2023/TCHC/QN	<p>May đo. Áo khoác dài tay, 1 lớp ve chữ V; thân trước ó 4 túi chìm, nắp túi cài cúc, thân sau có sòng sau xẻ dưới; vai áo dây đeo cấp hiệu; phía trên tay áo bên trái gắn logo; phía dưới hai bên tay áo có viền béc tay</p> <p>Quần kiểu âu dài, có hai túi chéo, cửa quần mở suốt kéo khóa Phéc- mơ tuya</p> <p>Màu xanh đậm</p>
6	Lễ phục SQ nữ K24 không lót PKKQ	TCQS 603:2023/TCHC/QN	<p>May đo. Áo khoác dài tay, 1 lớp ve chữ V; thân trước có 2 túi chìm dưới, nắp túi cài cúc, thân sau có sòng sau xẻ dưới; vai áo dây đeo cấp hiệu; phía trên tay áo bên trái gắn logo; phía dưới hai bên tay áo có viền béc tay</p> <p>Quần kiểu âu dài, có hai túi dọc, cửa quần mở suốt kéo khóa Phéc- mơ tuya</p> <p>Màu xanh đậm</p>
7		TCQS 600:2023/TCHC/QN	<p>May đo: Kiểu áo khoác dài tay 2 lớp, cổ bẻ, ve chữ V; đầu cổ áo thừa 2 khuyết đeo nền phù hiệu; vai áo có</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
	Lễ phục SQ nam K24 PK-KQ		dây vai đeo cấp hiệu. Thân trước có 4 túi chìm; mỗi túi có 2 viền, nắp túi có sòì nhọn cài cúc; phía trên nắp túi ngực phải thừa 2 khuyết đeo biểi tề. Nẹp áo cài bốn cúc. Tại vị trí sát đường bẻ ve bên phải đính cúc cài dây chiến thắng. Thân sau có sổng giữa, xẻ dưới. Áo có lót thân, hai bên thân trước có túi lót nằm ở giữa con then. Tay áo có 2 mang tay và viền bác tay. Tay áo bên trái gắn logo. Mặt trong 2 bên có túi chìm, chân cổ gắn dây trao áo. Quần kiểu quần âu dài, có 2 túi chéo, cửa quần mở suốt kéo khóa Phéc- mọtuya Màu xanh đậm
8	Lễ phục SQ nữ K24 PK-KQ	TCQS 601:2023/TCHC/QN	Máy đo: Kiểu áo khoác dài tay 2 lớp, cổ bẻ, ve chữ V; đầu cổ áo thừa 2 khuyết đeo nền phù hiệu; vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Thân trước có 2 túi chìm dưới; mỗi túi có 2 viền, nắp túi có sòì nhọn cài cúc; phía trên nắp túi ngực phải thừa 2 khuyết đeo biểi tề. Nẹp áo cài bốn cúc. Tại vị trí sát đường bẻ ve bên phải đính cúc cài dây chiến thắng. Thân sau có sổng giữa, xẻ dưới. Áo có lót thân, hai bên thân trước có túi lót nằm ở giữa con then. Tay áo có 2 mang tay và viền bác tay. Tay áo bên trái gắn logo. Mặt trong 2 bên có túi chìm, chân cổ gắn dây trao áo. Quần kiểu quần âu dài, có 2 túi dọc, cửa quần mở suốt kéo khóa Phéc- mọtuya Màu xanh đậm
9	Áo sơ mi NTSQ nam K08 PKKQ (Áo hè)	TCVN/QS 1491:2023	Máy đo. Kiểu áo buông, mặc bỏ trong quần, ngắn tay, cổ đứng, màu xanh hoà bình. Cúc màu vàng
10	Áo sơ mi NTSQ nữ K08 PKKQ (Áo hè)	TCVN/QS 1493:2023	Máy đo. Kiểu áo buông, có chít eo, mặc bỏ ngoài quần, ngắn tay, cổ đứng, màu xanh hoà bình. Cúc màu vàng
11	Áo sơ mi DTSQ nam K08 PKKQ (Áo giao mùa)	TCQS 297:2015/TCHC/QN	*Màu sắc: Phòng không-Không quân: Áo chỉ may màu xanh hoà bình

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
			*Chất liệu: Vải Popelie Pe Vi K13 phải đạt yêu cầu kỹ thuật được quy định tại TCVN/QS 1947:2017
12	Áo sơ mi DTSQ nữ K08 PKKQ (Áo giao mùa)	TCVN/QS 2214:2023	*Màu sắc: Phòng không-Không quân: Áo chỉ may màu xanh hòa bình *Chất liệu: Vải Popelie Pe Vi K13 phải đạt yêu cầu kỹ thuật được quy định tại TCVN/QS 1947:2017
13	Áo ấm 3 lớp SQ nữ K20 PKKQ	TCQS 380: 2022/TCHC/QN	Hình dáng: - Mặt không in loang: Kiểu áo khoác lưng dài tay, cổ đứng, chân liền. Mỗi bên đầu cổ áo thừa 2 khuyết để đeo nền phù hiệu. Nẹp áo dài 5 cúc. Mỗi bên vai áo có 2 dây vai để đeo cấp hiệu. Phía dưới thân trước có 2 túi chéo, miệng túi trùng với đường để cúp thân trước. Thân trước gắn cá điều chỉnh vòng eo. Thân sau có cầu vai; đai áo thân sau may ộp giữa eo sau - Mặt in loang: Thiếu kẻ cơ bản như mặt không in loang; chỉ khác vai áo gắn cá vai; phía trên ngực áo bên phải biến tên (gắn bằng nhám dính); phía trên ngực áo bên trái gắn biểu tượng Quân Binh chủng
14	Áo ấm 3 lớp SQ nam K20 PKKQ	TCQS 378: 2022/TCHC/QN	Hình dáng: - Mặt không in loang: Kiểu áo khoác lưng dài tay, cổ đứng. Mỗi bên đầu cổ áo thừa 2 khuyết để đeo nền phù hiệu. Nẹp áo dài 4 cúc và 1 cúc cài chân cổ. Thân trước có 2 túi ngực ộp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vuông, nắp túi có xoài nhọn cài cúc; phía dưới 2 bên cạnh sườn có túi coi chéo và đường may chiết sườn từ gằm nách đến giữa miệng túi. Mỗi bên vai áo có 2 dây vai để đeo cấp hiệu. Thân sau có cầu vai liền vải. Vị trí ngang eo 2 bên sườn gắn nhôi để luồn dây lưng, 1 đầu dây lưng gắn khóa nhựa hình chữ nhật có thang ngang. Tay áo có măng sét cài cúc - Mặt in loang: Thiếu kẻ cơ bản như mặt không in loang; chỉ khác vai áo gắn cá vai; phía trên túi ngực áo bên phải biến tên (gắn bằng nhám dính); phía trên túi ngực áo bên trái gắn biểu tượng Quân Binh chủng
15	Áo Chít gấu Dài tay SQ nam K08. PKKQ	TCQS 297:2015/TCHC/QN	May đo. Áo sơ mi chít gấu, cổ đứng, dài tay, màu xanh hoà bình. Cúc màu xanh nhạt

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
16	Áo Chít gấu Dài tay SQ nữ K08. PKKQ	TCQS 296:2015/TCHC/QN	May đo Áo sơ mi chít gấu, cổ đứng, dài tay, màu xanh hoà bình. Cúc màu xanh nhạt
17	Dây chiến thắng	TC TCHC/BQP	Dây đeo trên vai được tết từ 3 sợi chập đôi (tết đuôi sam) Dây đeo trước ngực được tết từ 3 sợi đơn, một đầu dính với dây đeo trên vai, một đầu nối hai sợi dây đeo quả trùy mạ màu vàng.
18	Áo Sơ mi SQ nam K24 (Màu trắng)	TC TCHC/BQP	Áo sơ mi SQ nam màu trắng K24 Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt áo buông. Ngực áo bên trái có túi ốp nổi không nắp, đáy túi vát góc. Nẹp phải liền thân, dính 6 cúc và 1 cúc chân cổ; nẹp trái rời (nẹp bong) thừa khuyết. Thân sau có cầu vai, chân cầu vai xếp 2 ly ở 2 bên, ly quay về phía sườn. Tay áo có măng séc nguyệt tròn, cài 1 cúc; Vải, cúc, chỉ may : Màu trắng.
19	Áo Sơ mi SQ nữ K24 (Màu trắng)	TC TCHC/BQP	Áo sơ mi SQ nữ màu trắng K24 Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đứng, vạt áo buông. Thân trước có chiết eo; nẹp trái gấp liền thân, dính 5 cúc và 1 cúc chân cổ; nẹp phải gấp liền thân, thừa khuyết. Thân sau có chiết eo. Tay áo có măng séc nguyệt tròn, cài 1 cúc; Vải, cúc, chỉ may : Màu trắng.
20	Ca ra vát SQ K23 PKKQ	TCQS 315:2015/TCHC/QN	Kiểu thắt sẵn, cùng màu áo khoác
21	Kẹp ca ra vát	TC TCHC/BQP	Kẹp caravat màu vàng
22	Quần áo CNQP nam mùa hè K19	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
23	Quần áo CNQP nữ mùa hè K19	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
24	Áo CG dài tay CNQP nam mùa hè K19	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
25	Áo sơ mi dài tay CNQP nữ mùa hè K19	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
26	Giày da SQ nam cấp tá	TC TCHC/BQP	Màu đen; cấp tá kiểu mũi có vân ngang, cột dây cố định
27	Giày da SQ nam cấp úy	TC TCHC/BQP	Màu đen; cấp úy kiểu mũi có vân ngang, buộc dây.
28	Giày da thấp cổ SQ nữ	TC TCHC/BQP	Kiểu mũi vuông tron, gót cao, nẹp ô dê luôn dây trang trí, màu đen
29	Dây lưng SQ cấp úy, tá PKKQ	TC TCHC/BQP	Cốt dây bằng da; Phòng không - Không quân màu đen, cấp tá, cấp úy bằng da một mặt nhẵn. Khóa dây lưng bằng kim

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
			loại màu vàng có dập nổi ngôi sao năm cánh nội tiếp trong vòng tròn.
30	Áo khoác quân sự SQ nam K08 PKKQ	TCVN/QS 1849:2015	May đo. Kiểu mẫu: Kiểu áo ký giả ngắn tay, ve chữ V, thân trước có 04 túi ốp nổi, thân sau có sống sau xẻ dưới, vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Màu sắc: Phòng không - Không quân màu xanh đậm.
31	Áo khoác quân sự SQ nữ K08 PKKQ	TCVN/QS 1850:2015	May đo. Kiểu mẫu: Kiểu áo ký giả ngắn tay, ve chữ V, thân trước có 04 túi ốp nổi, thân sau có sống sau xẻ dưới, vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Màu sắc: Phòng không - Không quân màu xanh đậm.
32	Mũ cứng cuốn vành	TC TCHC/BQP	Vải lớp mũ được bọc từ chất liệu vải kaki, màu xanh đậm; quai mũ được làm từ da bò 100%
33	Mũ Kê pi SQ cấp úy, tá PKKQ	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn Bộ quốc phòng
34	Quân hiệu Ø36 liền cành từng kép	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn Bộ quốc phòng
35	Áo xuân thu nam Quân nhu	TC TCHC/BQP	Chất liệu vải dệt kim, màu sắc theo màu Quân Bình chủng
36	Áo xuân thu nữ Quân nhu	TC TCHC/BQP	Chất liệu vải dệt kim, màu sắc theo màu Quân Bình chủng
37	Vỏ chăn in loang K20 PKKQ	TC TCHC/BQP	Màu xanh in loang PK-KQ. Kích thước: 1,6m x 2m Chất liệu: Cotton
38	Quần áo mưa SQ K08	TCQS 328:2015/TCHC/QN	Chất liệu vải PU chất lượng cao, tính chất vải mềm mịn, siêu nhẹ, siêu chống nước, chống thấm tốt. Màu xanh oliu
39	Ba lô K20 3 túi PKKQ	TCVN/QS 967:2003	Chất liệu vải bố dày. Màu sắc: Màu xanh PK-KQ, in loang
40	Gối mút hơi K20	TC TCHC/BQP	Gối mút gối hơi rần ri PK-KQ, Vỏ gối chất liệu: Cotton. Kích thước: 25cm x 42cm x 10cm
41	Màn tuyn cá nhân	TC TCHC/BQP	Màu xanh rêu. Kích thước: 1m x 1,9m Chất liệu: Vải tuyn
42	Cầu vai, quân hàm sỹ quan, QNCN	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn Bộ quốc phòng
43	Nền phù hiệu	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn Bộ quốc phòng
44	Quần áo dệt kim đồng xuân SQ nam K16	TC TCHC/BQP	TC TCHC/BQP
45	Quần áo dệt kim đồng xuân SQ nữ K16	TC TCHC/BQP	TC TCHC/BQP

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
46	Mũ bảo hộ lao động nam	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
47	Mũ bảo hộ lao động nữ	TC TCHC/BQP	Theo tiêu chuẩn CQN
48	Quần áo Bảo hộ lao động (Quần áo công tác)	TC TCHC/BQP	<p>Mẫu quần áo công tác Bên mời thầu đang sử dụng, có cung cấp hình ảnh đi kèm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 bộ = 01 áo + 01 quần (bộ ngắn tay hoặc bộ dài tay tùy theo nhu cầu và số đo của mỗi cán bộ, công nhân). - Chất liệu: vải 100% cotton, khối lượng 250-260g/m, kiểu dệt: vân chéo 3/1. - Màu sắc: quần màu tím than, áo 2 hai màu: màu tím than và xanh da trời. - Tạo hình Logo của nhà máy A31 bên tay trái, thêu màu, hình tam giác (theo hình ảnh đi kèm). - Tạo biển tên bao gồm Họ và tên từng người theo đánh sách bên mời thầu cung cấp, nền xanh da trời, thêu chữ in hoa màu tím than, may trên nắp túi áo phải. - Tạo LOGO cánh én không quân trên nắp túi áo bên trái. - Phía sau áo in chữ: “Quân chủng Phòng không-Không quân Nhà máy A31” - Vải chính màu tím than - Vải phối màu xanh da trời <p>1 - Áo: kiểu chít gấu cổ đứng, thân trước 2 túi ngực ộc nắp vát nhọn ở giữa, 2 cạnh nắp góc vuông, bản túi bị túi vuông, đai áo đai liền, chun 2 bên sườn, hai bên vai áo có bật vai. Thân sau có cầu vai và chập ly ở hai bên chân cầu vai, tay dài có măng séc và thép tay, nẹp 6 cúc cả cúc cổ, và cúc đai, toàn bộ cúc áo làm cúc cài ngàm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo có phối thân trước trên túi và cầu vai thân sau - Áo có thêu 3 vị trí, bên phải thêu tên, bên trái thêu biểu tượng, cầu vai

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Số tiêu chuẩn	Mô tả
			sau thêu tên Quân chủng và Nhà máy. - Cúc áo nhựa 2 – Quần: Kiểu quần âu, thân trước 1 ly, túi chéo, thân sau bỏ 1 túi sau, coi cài khuyết ngầm, cửa quần may khóa, đầu cạp trái may quai nhê, cạp quần có 6 dây đĩa, gấu vạt sô may 2,5cm. - Sản phẩm nhà thầu sử dụng qui trình quản lý đạt chuẩn ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng; TCVN ISO 14001: 2015 Hệ thống quản lý môi trường. - Năm sản xuất: 2025.

****Tiêu chuẩn về vải Quần áo BHLĐ***

a) Vải chính màu tím than

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn – Phương pháp thử	Yêu cầu kết quả	
1	Thành phần nguyên liệu	ISO/TR11827:2012	100% Cotton	
2	Độ bền màu giặt A(1); 40 ⁰ C (cấp)	Thay đổi màu Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp)	TCVN 7835-B02:2007	4	
4	Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp)	Thay đổi màu Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
5	Độ bền màu	Thay đổi màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
				4-5

TT	Chỉ tiêu		Tiêu chuẩn – Phương pháp thử	Yêu cầu kết quả
	mô hôi, kiềm (cấp)	Dây mà u	Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
6	Độ bền màu ma sát (cấp)	Kh ô	Dọc	4-5
			Ngang	4-5
		Uớt	Dọc	4-5
			Ngang	4-5
7	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 60°C(%)	Dọc	TCVN 8041:2009	0
		Ngang		-1,0
8	Phân tích thuốc nhuộm		Theo phương pháp công nghệ màu chỉ định	Hoàn nguyên
9	Độ bền kiềm (nồng độ kiềm 20% ngâm trong 8h)		TCVN 2604:1978	Không có dấu hiệu hư hỏng
10	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	22,3/1
		Ngang (Ne)		17,5/1
11	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	250
12	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	≥1200
		Ngang (N)		≥660
13	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 3/1

b) Vải phối màu xanh da trời

TT	Chỉ tiêu		Tiêu chuẩn - Phương pháp thử	Yêu cầu kết quả
1	Thành phần nguyên liệu		ISO/TR11827:2012	Polyeste:65% Visco:34% Spandex:1%
			TCVN 5465-1:2009	
			TCVN 5465-4:2009	
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyami t	4-5
			Polyeste	4-5
			TCVN 7835-C10:2007	

TT	Chỉ tiêu		Tiêu chuẩn - Phương pháp thử	Yêu cầu kết quả
		Acrylic		4-5
		Len		4-5
3	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	4-5
			Ngang	TCVN 4538:2007
	Ướt	Dọc		4-5
		Ngang		4-5
4	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 60°C(%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-2,0
		Ngang		-1,0
5	Khô rộng (cm)		TCVN 7834:2007	151
6	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	42,9/2
		Ngang (Ne)		44,9/2
7	Khối lượng thực tế(g/m ²)		TCVN 8042:2009	154
8	Độ bền	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	836
		Ngang (N)		603
9	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân điểm
10	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	281
		Ngang (sợi/10cm)		226

1.3. Các yêu cầu khác

- Thời hạn bảo hành hàng hóa: Khi người sử dụng mang mặc bị chật hoặc rộng so với số đo thì bên B có trách nhiệm sửa chữa bảo đảm chất lượng theo đúng cỡ số đã đo.

Mục 2. Bản vẽ

Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra về số lượng, chất lượng, ký mã hiệu, nhãn mác, phiếu bảo hành, giấy chứng nhận bản quyền, chứng nhận xuất xưởng được quy định trong văn bản hợp đồng;

- Đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, Bên mua có quyền từ chối nhận hàng và Bên bán có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa đạt yêu cầu theo hợp đồng trong vòng 10 ngày và chịu mọi phí tổn liên quan.

